

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG

*Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
đã được kiểm toán*

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG

*Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
đã được kiểm toán*

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG

*Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
đã được kiểm toán*

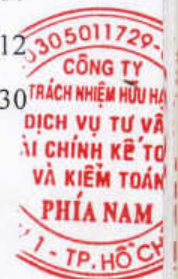


Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3 - 4
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN	5 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	6 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10 - 10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 30



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Công ty

Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông được thành lập theo Quyết định số 40/2000/QĐ - BCN ngày 29/06/2000 về việc chuyển Xí Nghiệp Sơn Á Đông thành Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông do Bộ Công Nghiệp ban hành, Quyết định số 49/2000/QĐ-BCN ngày 10/08/2000 sửa đổi Quyết định số 40/2000/QĐ-BCN ngày 29/06/2000 về cơ cấu vốn điều lệ và việc bán cổ phần ưu đãi cho người lao động. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000132 đăng ký lần đầu ngày 13/08/2000, đăng ký thay đổi lần thứ tư mã số doanh nghiệp 0302066222 ngày 12/10/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 64.000.000.000 VND.

Vốn góp của Công ty đến ngày 31/12/2012 là 64.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ 1387 Bến Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty có các đơn vị thành viên sau:

Tên	Địa chỉ:
Chi nhánh Long An	Cụm Công nghiệp Hải Sơn, ấp Bình Tiền II, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
Văn phòng đại diện tại Hà Nội	Đã giải thể theo Quyết định số 013/QĐ-HĐQT ngày 21/07/02012 của Công ty CP Sơn Á Đông

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 21.231.528.756 VND (Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 4.907.790.271 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 là 10.991.530.750 VND (Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 là 2.184.573.965 VND).

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Bà :	Nguyễn Thị Nhung	Chủ tịch
Ông :	Phan Ngọc Thuận	Phó Chủ tịch
Ông :	Nguyễn Ngọc Tứ	Thành viên
Ông :	Nguyễn Tài Thảo	Thành viên
Ông :	Lê Đình Quang	Thành viên
Ông :	Cao Trí Đức	Thành viên
Ông :	Trần Bửu Trí	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Bà :	Nguyễn Thị Nhung	Giám đốc
Ông :	Nguyễn Văn Thái	Phó Giám đốc
Ông :	Phan Ngọc Thuận	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát

Bà : Nguyễn Thị Cần

Trưởng Ban Kiểm soát

Ông : Trần Bá Kiệt

Thành viên BKS

Bà : Nguyễn Ánh Phi Vân

Thành viên BKS

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty.

Tp.HCM, ngày 07 tháng 03 năm 2013

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Thị Nhung

Tp.HCM, ngày 07 tháng 03 năm 2013

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc

Nguyễn Thị Nhung



Số: 95.../2013/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN*Về Báo cáo Tài chính năm 2012
của Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông*

Kính gửi:

- Cổ đông Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông
- Hội đồng Quản trị Công Ty Sơn Á Đông
- Ban Giám đốc Công Ty Sơn Á Đông

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng của **Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông** được lập ngày 01/03/2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được trình bày từ trang 6 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông** tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2013

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

**Đỗ Khắc Thanh**

Chứng chỉ KTV số: Đ 0064/KTV

Kiểm toán viên**Dương Thị Quỳnh Hoa**

Chứng chỉ KTV số: 0424/KTV

5011729
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
DỊCH VỤ TƯ VẤN
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
VÀ KIỂM TOÁN
PHÍA NAM
TP. HỒ CHÍ MINH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		102.363.785.278	112.716.081.094
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	9.817.446.945	11.107.544.388
1. Tiền	111		9.817.446.945	11.107.544.388
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		43.574.918.645	36.038.468.726
1. Phải thu khách hàng	131		44.942.110.818	39.844.373.770
2. Trả trước cho người bán	132		99.999.800	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	2	161.060.123	173.697.625
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139	3	(1.628.252.096)	(3.979.602.669)
IV. Hàng tồn kho	140	4	47.798.614.770	63.355.667.969
1. Hàng tồn kho	141		47.798.614.770	63.355.667.969
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.172.804.918	2.214.400.011
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		100.295.000	354.452.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	5	-	16.245.770
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	6	1.072.509.918	1.843.702.241
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		36.418.407.797	39.675.567.818
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

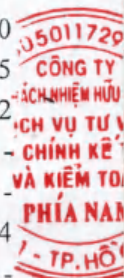
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
TÀI SẢN				
II. Tài sản cố định	220		36.418.407.797	39.675.567.818
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	14.525.951.984	17.294.539.056
- Nguyên giá	222		46.849.680.624	44.640.113.782
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(32.323.728.640)	(27.345.574.726)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	8	21.872.455.813	22.381.028.762
- Nguyên giá	228		28.226.059.147	28.226.059.147
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(6.353.603.334)	(5.845.030.385)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	20.000.000	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		138.782.193.075	152.391.648.912

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		58.306.380.930	80.259.179.539
I. Nợ ngắn hạn	310		58.290.500.869	80.015.927.554
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	19.431.739.990	39.828.041.607
2. Phải trả người bán	312		27.551.022.565	32.127.801.935
3. Người mua trả tiền trước	313		4.153.818	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	4.782.009.329	1.901.827.200
5. Phải trả công nhân viên	315		4.014.388.061	3.022.719.795
6. Chi phí phải trả	316	12	25.821.183	66.855.392
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	2.339.338.803	3.029.788.024
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành	323		142.027.120	38.893.601
II. Nợ dài hạn	330		15.880.061	243.251.985
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	14	15.880.061	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	243.251.985
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	15	80.475.812.145	72.132.469.373
I. Vốn chủ sở hữu	410		80.475.812.145	72.132.469.373
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		64.000.000.000	64.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	909.776.765
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.643.696.978	3.197.534.226
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.840.584.417	1.840.584.417



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		10.991.530.750	2.184.573.965
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		138.782.193.075	152.391.648.912

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tự, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		3.201.886.332	45.084.585
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		1.753,16	6.770,49
- EUR		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Lập, ngày 01 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu



Lê Đình Quang

Kế toán trưởng



Lê Đình Quang

Giám đốc



Nguyễn Thị Nhung

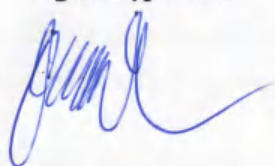
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	372.669.564.580	339.527.256.896
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		3.443.903.324	1.207.004.951
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		369.225.661.256	338.320.251.945
4. Giá vốn hàng bán	18	309.525.811.745	299.493.485.367
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		59.699.849.511	38.826.766.578
6. Doanh thu hoạt động tài chính	17	756.404.749	892.606.781
7. Chi phí tài chính	19	4.281.980.207	8.502.708.801
+ Trong đó: chi phí lãi vay		4.281.491.014	5.204.699.459
8. Chi phí bán hàng		16.355.526.803	13.300.599.184
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		14.338.457.795	12.019.391.943
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		25.480.289.455	5.896.673.431
11. Thu nhập khác		382.123.343	52.429.241
12. Chi phí khác		48.957.575	265.980
13. Lợi nhuận khác		333.165.768	52.163.261
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		25.813.455.223	5.948.836.692
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20	4.566.046.406	1.041.046.421
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	21	15.880.061	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		21.231.528.756	4.907.790.271
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		3.317	930

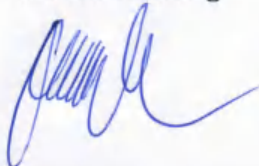
Lập, ngày 01 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu



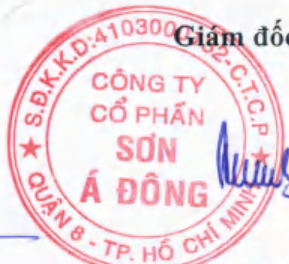
Lê Đình Quang

Kế toán trưởng



Lê Đình Quang

Giám đốc



Nguyễn Thị Nhung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)**Năm 2012**Đơn vị tính: VND***Chỉ tiêu****Thuyết minh****Năm 2012****Năm 2011****I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**

1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	389.611.178.128	373.145.217.783
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(280.161.172.506)	(280.816.759.891)
3. Tiền chi trả cho người lao động	(17.978.207.863)	(18.157.866.816)
4. Tiền chi trả lãi vay	(3.984.771.758)	(5.927.852.698)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.696.014.883)	(1.128.516.892)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	8.455.589.659	232.982.283.967
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(59.247.972.837)	(290.108.593.637)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	34.998.627.940	9.987.911.816

II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư

1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(2.221.542.272)	(1.609.147.152)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	89.722.077	858.500.080
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(2.131.820.195)	(750.647.072)

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	228.684.632.784	123.224.071.070
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(249.052.152.492)	(132.250.925.333)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(13.788.896.287)	(737.445.883)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(34.156.415.995)	(9.764.300.146)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)***Năm 2012**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1.289.608.250)	(527.035.402)
Tiền và tương đương tiền đầu năm		11.107.544.388	11.635.988.051
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(489.193)	(1.408.261)
Tiền và tương đương tiền cuối năm		9.817.446.945	11.107.544.388

Lập, ngày 01 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

**Lê Đình Quang**

Kế toán trưởng

**Lê Đình Quang**

Giám đốc

**Nguyễn Thị Nhung**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông được thành lập theo Quyết định số 40/2000/QĐ - BCN ngày 29/06/2000 về việc chuyển Xí Nghiệp Sơn Á Đông thành Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông do Bộ Công Nghiệp ban hành, Quyết định số 49/2000/QĐ-BCN ngày 10/08/2000 sửa đổi Quyết định số 40/2000/QĐ-BCN ngày 29/06/2000 về cơ cấu vốn điều lệ và việc bán cổ phần ưu đãi cho người lao động. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000132 đăng ký lần đầu ngày 13/08/2000, đăng ký thay đổi lần thứ tư mã số doanh nghiệp 0302066222 ngày 12/10/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 64.000.000.000 VND.

Vốn góp của Công ty đến ngày 31/12/2012 là 64.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ 1387 Bến Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty có các đơn vị thành viên sau:

Tên

Chi nhánh Long An

Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Địa chỉ:

Cụm Công nghiệp Hải Sơn, ấp Bình Tiên II, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

Số 45, khu tập thể chính hình, phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Thương mại, dịch vụ, sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu các sản phẩm sơn và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn; thiết kế và cung ứng các loại dịch vụ kỹ thuật khác về sản phẩm và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn; kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính và các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời phát sinh được hạch toán theo tỷ giá thực tế phát sinh của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản hoặc tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở nhiều tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Tuy nhiên, việc xác định giá trị hàng tồn kho không được Công ty áp dụng nhất quán trong kỳ kế toán.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

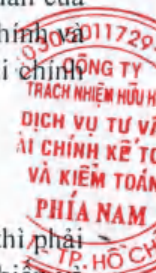
3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 08 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	07 năm
- Thiết bị văn phòng	06 - 07 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	06 - 08 năm
- Tài sản cố định vô hình	03 - 05 năm



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

- Quyền sử dụng đất dài hạn

50 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

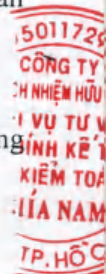
- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm 2012***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Đơn vị tính: VND***1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>31/12/2012</i>	<i>01/01/2012</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tiền mặt	248.946.489	400.155.344
Tiền gửi ngân hàng	9.568.500.456	10.707.389.044
<i>Tiền gửi VND</i>	<i>9.532.008.430</i>	<i>10.566.373.278</i>
<i>Tiền gửi ngoại tệ</i>	<i>36.492.026</i>	<i>141.015.766</i>
Các khoản tương đương tiền	-	-

Ghi chú:

- Tiền mặt tồn quỹ trên bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2012 khớp với biên bản kiểm kê thực tế
- Tiền gửi Ngân hàng vào ngày 31/12/2012 trên bảng cân đối kế toán phù hợp với các xác nhận số dư của Ngân hàng.

Tổng cộng	9.817.446.945	11.107.544.388
------------------	----------------------	-----------------------

2. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>31/12/2012</i>	<i>01/01/2012</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
	161.060.123	173.697.625
1. Phải thu về cổ phần hóa	-	-
2. Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
3. Phải thu về lao động	-	-
4. Phải thu khác	161.060.123	173.697.625

Chi tiết số dư khoản mục phải thu khác tại ngày 31/12/2012 là:

Nộp thừa tiền BHYT, BHXH, BHTN	47.143.889
Dương Thanh Vân	9.000.000
Nguyễn Thị Kim Mai	9.532.600
Trần Thị Lụa	9.000.000
Lê Thanh Tuấn	13.000.000
Các đối tượng khác	73.383.634
Tổng cộng	161.060.123

3. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	<i>31/12/2012</i>	<i>01/01/2012</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Công Ty Vận Tài Viễn Dương - VinaShin		3.021.571.536
Cty TNHH Tàu Cao Tốc Bắc Nam		135.230.211

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2012**

Công Ty TNHH Thành Long	27.445.595	17.967.357
Công Ty TNHH Tân Hiệp Phát	12.688.075	7.612.845
Công ty TNHH Tân Đại Phát	73.007.183	43.804.310
Công ty TNHH VT Tân Đại Phát	73.007.183	73.007.183
Công ty CP Nước và Môi trường	261.196.261	186.568.758
Công ty CP CN Đóng Tàu HP	291.940.662	208.529.044
Công ty CP Hải Long	144.205.240	103.003.742
Công ty CP VTB Trãi Thiên	178.679.305	127.628.075
Công ty TNHH Cơ Khí Đóng Tàu Hà Đức	61.750.108	44.107.220
Công ty Xây Lắp số 5		10.572.388
Công Ty TNHH Tân Thế Giới	305.525.713	
Công Ty CP DV&KT Phúc Đại Lợi Phương Nam	76.361.340	
Công Ty TNHH Trung Hoa	122.445.432	
Tổng cộng	1.628.252.096	3.979.602.669

4. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Giá gốc của hàng tồn kho		
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	33.822.574.049	39.692.110.686
- Công cụ, dụng cụ	-	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
- Thành phẩm	13.976.040.721	23.663.557.283
- Hàng hoá	-	-
- Hàng gửi đi bán	-	-
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
- Hàng hóa bất động sản	-	-
Tổng cộng	47.798.614.770	63.355.667.969

5. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	-
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước:	-	16.245.770
+ Thuế GTGT đầu ra		16.245.770
Tổng cộng	-	16.245.770

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
1. Tạm ứng	94.000.000	138.925.738
2. Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	978.509.918	1.704.776.503
Tổng cộng	1.072.509.918	1.843.702.241

Chi tiết số dư khoản mục ký cược, ký quỹ ngắn hạn tại ngày 31/12/2012 là:

Ký quỹ VND tại Ngân hàng Công thương - CN6	15.025.833
Ký quỹ USD tại Ngân hàng Công thương - CN6	709.620.817
Ký quỹ VND tại Ngân hàng HSBC	235.186.705
Ký quỹ USD tại Ngân hàng ANZ	18.676.563
Tổng cộng	978.509.918



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
1. Số dư đầu năm	8.231.172.948	27.312.931.126	4.248.084.495	771.691.748	4.076.233.465	44.640.113.782
2. Số tăng trong năm	-	2.208.595.264	-	25.272.728	21.000.000	2.254.867.992
Bao gồm:						
- Mua trong năm			-	25.272.728	21.000.000	46.272.728
- Đầu tư XD CB hoàn thành		2.208.595.264				2.208.595.264
- Tăng khác						-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	15.777.150	29.524.000	45.301.150
Bao gồm:						
- Thanh lý, nhượng bán			-	15.777.150	29.524.000	45.301.150
- Giảm khác						-
4. Số dư cuối năm	8.231.172.948	29.521.526.390	4.248.084.495	781.187.326	4.067.709.465	46.849.680.624
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	3.978.123.541	17.670.035.136	3.352.220.896	612.273.753	1.732.921.400	27.345.574.726
2. Khấu hao trong năm	602.624.148	3.382.241.879	384.730.466	78.193.334	560.493.183	5.008.283.008
Bao gồm:						
- Khấu hao tăng trong năm	602.624.148	3.382.241.879	384.730.466	78.193.334	560.493.183	5.008.283.008
- Tăng khác						-
3. Giảm trong năm	-	-	-	15.777.150	14.351.944	30.129.094
Bao gồm:						
- Thanh lý, nhượng bán			-	15.777.150	14.351.944	30.129.094
- Giảm khác						-
4. Số dư cuối năm	4.580.747.689	21.052.277.015	3.736.951.362	674.689.937	2.279.062.639	32.323.728.640
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
1. Tại ngày đầu năm	4.253.049.407	9.642.895.990	895.863.599	159.417.995	2.343.312.065	17.294.539.056
2. Tại ngày cuối năm	3.650.425.259	8.469.249.375	511.133.133	106.497.389	1.788.646.826	14.525.951.984

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình						
1. Số dư đầu năm	24.248.072.436	3.883.540.711		94.446.000		28.226.059.147
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Bao gồm:						
- Mua trong năm						-
- Tặng khác						-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Bao gồm:						
- Thanh lý, nhượng bán						-
4. Số dư cuối năm	24.248.072.436	3.883.540.711	-	94.446.000	-	28.226.059.147
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	1.939.845.799	3.883.540.711	-	21.643.875	-	5.845.030.385
2. Khấu hao trong năm	484.961.449	-	-	23.611.500	-	508.572.949
Bao gồm:						
- Khấu hao tăng trong năm	484.961.449	-	-	23.611.500	-	508.572.949
- Tăng khác						-
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Bao gồm:						
- Thanh lý nhượng bán						-
- Giảm khác						-
4. Số dư cuối năm	2.424.807.248	3.883.540.711	-	45.255.375	-	6.353.603.334
III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH						
1. Tại ngày đầu năm	22.308.226.637	-	-	72.802.125	-	22.381.028.762
2. Tại ngày cuối năm	21.823.265.188	-	-	49.190.625	-	21.872.455.813



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
- Chi phí XDCB dở dang	-	-
- Mua sắm tài sản cố định	20.000.000	-
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-
Tổng cộng	20.000.000	-

10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
10.1. Vay ngắn hạn	19.431.739.990	39.828.041.607
- Vay ngân hàng (Ngân Hàng Công Thương - CN 6)	-	7.395.455.093
- Vay ngân hàng (Ngân Hàng HSBC)	9.584.739.990	24.167.586.044
- Vay cá nhân	9.847.000.000	8.265.000.000
10.2. Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Tổng cộng	19.431.739.990	39.828.041.607

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
11.1. Thuế phải nộp nhà nước	4.782.009.329	1.901.827.200
- Thuế GTGT	352.108.384	-
- Thuế TTĐB	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	24.328.020	-
- Thuế TNDN	3.857.182.060	1.041.046.421
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế nhà đất	-	-
- Tiền thuê đất	-	115.200.000
- Các loại thuế khác	548.390.865	745.580.779
+ Thuế thu nhập cá nhân	548.390.865	745.580.779
+ Các loại thuế khác	-	-
11.2. Các khoản phải nộp khác	-	-
- Các khoản phí, lệ phí	-	-
- Các khoản phải nộp khác	-	-
Tổng cộng	4.782.009.329	1.901.827.200

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>31/12/2012</i> <i>VND</i>	<i>01/01/2012</i> <i>VND</i>
- Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép		
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ		
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh		
- Trích trước chi phí tiền thuế thuê đất		
- Trích trước chi phí lãi vay	25.821.183	66.855.392
Tổng cộng	25.821.183	66.855.392

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<i>31/12/2012</i> <i>VND</i>	<i>01/01/2012</i> <i>VND</i>
- Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
- BHYT, BHXH, BHTN	-	-
- KPCĐ	156.931.416	103.467.527
- Doanh thu chưa thực hiện		
- Phải trả về cổ phần hoá		-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
- Cổ tức phải trả	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.182.407.387	2.926.320.497
Tổng cộng	2.339.338.803	3.029.788.024

Chi tiết số dư khoản mục phải trả, phải nộp khác tại ngày 31/12/2012 là:

Công Ty Samhua Paint Ltd.	1.504.551.912
Công Ty TNHH Hải Sơn	472.755.475
Các đối tượng khác	205.100.000
Tổng cộng	2.182.407.387

14. THUẾ TNDN HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

	<i>31/12/2012</i> <i>VND</i>	<i>01/01/2012</i> <i>VND</i>
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	15.880.061	
- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải đã được ghi nhận từ các năm trước		
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	15.880.061	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- Số dư đầu năm nay	64.000.000.000	-	-	3.197.534.226	1.840.584.417	2.184.573.965
- Tăng trong năm	-	-	-	446.162.752	-	21.231.528.756
Trong đó:						
- Tăng do phát hành thêm cổ phiếu	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận tăng trong năm nay (*)	-	-	-	-	-	21.231.528.756
- Trích từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	446.162.752	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm trong năm	-	-	-	-	-	12.424.571.971
Trong đó:						
- Trích lập các quỹ theo biên bản họp đại HĐCĐ	-	-	-	-	-	12.424.571.971
. Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	446.162.752
. Quỹ Dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-
. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	217.133.519
. Chia cổ tức, tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	-	11.761.275.700
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
- Số dư cuối năm	64.000.000.000	-	-	3.643.696.978	1.840.584.417	10.991.530.750

Ghi chú: (*) Lợi nhuận tăng trong năm nay có khoản lãi từ đánh giá CLTG chưa thực hiện là: 540.096.849 VND, Công ty sẽ không được chia cổ tức của khoản lãi này theo Thông tư 179/2012/TT-BTC.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

15.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	%	Đầu năm	%
Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác (cổ đông, thành viên...)	64.000.000.000	100%	64.000.000.000	100%
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-
Cổ phiếu ngân quỹ(*)	-	-	-	-
Tổng cộng	64.000.000.000	100%	64.000.000.000	100%



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm 2012**Đơn vị tính: VND***15.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	<i>Năm 2012</i> <i>VND</i>	<i>Năm 2011</i> <i>VND</i>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	64.000.000.000	64.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	64.000.000.000	64.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	64.000.000.000	64.000.000.000

15.4. Các quỹ của doanh nghiệp

	<i>31/12/2012</i> <i>VND</i>	<i>01/01/2012</i> <i>VND</i>
- Quỹ đầu tư phát triển	3.643.696.978	3.197.534.226
- Quỹ dự phòng tài chính	1.840.584.417	1.840.584.417
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

Mục đích của trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:**15.4.1. Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:**

- a) Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- b) Bù đắp khoản lỗ của công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu.

15.4.2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để

- a) Bổ sung vốn điều lệ cho công ty.
- b) Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm 2012***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Chỉ tiêu	<i>Năm 2012</i> <i>VND</i>	<i>Năm 2011</i> <i>VND</i>
16. DOANH THU		
<i>16.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>		
- <i>Tổng doanh thu</i>	372.669.564.580	339.527.256.896
+ Doanh thu bán hàng	372.669.564.580	339.527.256.896
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ		
<i>16.2. Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	3.443.903.324	1.207.004.951
+ Chiết khấu thương mại	-	-
+ Giảm giá hàng bán	3.304.662.974	1.041.912.915
+ Hàng bán bị trả lại	139.240.350	165.092.036
+ Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)	-	-
+ Thuế TTĐB	-	-
+ Thuế xuất khẩu	-	-
<i>16.3. Doanh thu thuần</i>	369.225.661.256	338.320.251.945
Trong đó:		
+ Doanh thu thuần trao đổi hàng hoá	369.225.661.256	338.320.251.945
+ Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	-	-
17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	756.404.749	892.606.781
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	89.810.475	880.546.493
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	126.008.232	12.060.288
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	540.586.042	-
18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
	<i>Năm 2012</i> <i>VND</i>	<i>Năm 2011</i> <i>VND</i>
- Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	309.525.811.745	299.493.485.367
- Giá vốn của hàng hoá đã cung cấp		
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	-
Tổng cộng	309.525.811.745	299.493.485.367
19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
	<i>Năm 2012</i> <i>VND</i>	<i>Năm 2011</i> <i>VND</i>
- Chi phí lãi vay	4.281.491.014	5.204.699.459
- Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		3.229.153.950
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	489.193	-
- Chi phí tài chính khác		68.855.392
Tổng cộng	4.281.980.207	8.502.708.801



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

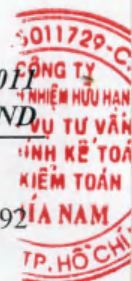
Năm 2012

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.512.150.522	1.041.046.421
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	53.895.884	-
Tổng cộng	4.566.046.406	1.041.046.421

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành được xác định như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.813.455.223	5.948.836.692
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(29.737.955)	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	33.782.287	
+ Các khoản điều chỉnh giảm (CLTG chưa thực hiện)	63.520.242	
- Tổng thu nhập chịu thuế	25.783.717.268	5.948.836.692
+ Thu nhập từ HĐSXKD	29.372.812.968	13.558.938.712
+ Thu nhập từ hoạt động tài chính	(3.589.095.700)	(7.610.102.020)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (25%) (a)	6.445.929.317	1.487.209.173
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012 (thuế suất ưu đãi được miễn giảm 30% theo thông tư 140/2012/TT-BTC) (b)	1.933.778.795	446.162.752
+ Thuế TNDN còn phải nộp (a) - (b)	4.512.150.522	1.041.046.421



21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	15.880.061	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (*)
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng (*)
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả (*)

Tổng cộng	<u>15.880.061</u>	<u>-</u>
-----------	-------------------	----------

2. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chỉ tiêu	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
1. Chi phí nguyên liệu, vật liệu	307.175.682.945	252.503.852.343
2. Chi phí nhân công	24.180.025.155	16.720.615.279
3. Chi phí khấu hao TSCĐ	5.516.855.957	4.702.842.936
4. Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.095.964.401	9.252.702.157
5. Chi phí khác bằng tiền	7.619.662.057	5.514.040.504
Tổng cộng	<u>356.588.190.515</u>	<u>288.694.053.219</u>

II. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh

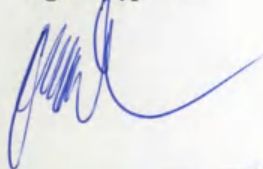
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS kiểm toán.

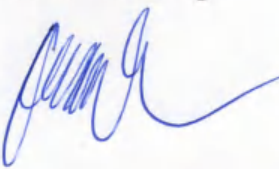
Lập, ngày 01 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


Lê Đình Quang


Lê Đình Quang


Nguyễn Thị Nhung